

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ AN NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 232/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2024

V/v “Ly hôn và tranh chấp về  
nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Duy Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Hồ Xuân Dũng;
- Bà Trương Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1540/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1706/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Trinh N, sinh năm: 1999 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm: 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Trinh N trình bày:*

Trước khi cưới, chị và anh Lê Văn D có tìm hiểu nhau khoảng bốn năm. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Cuộc sống vợ chồng ngay từ thời gian đầu đã không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh D không lo làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình không ổn định. Mặt khác, anh D không tin tưởng chị, nghi ngờ chị không chung thủy nên thường ghen tuông và đánh đập chị. Anh D thiếu tôn trọng chị, thường xúc phạm chị. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 3 năm 2024 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh D nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng có một người con chung là Lê Phú T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2021. Hiện nay con chung đang ở với chị. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Lê Văn D vắng mặt nên không có lời trình bày.*

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Trinh N được ly hôn với anh Lê Văn D.

- Về con chung: Giao người con chung Lê Phú T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2021 cho chị Huỳnh Thị Trinh N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Thị Trinh N không yêu cầu anh Lê Văn D cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị Trinh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Huỳnh Thị Trinh N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn D có địa chỉ cư trú tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Chị N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh D.

[3] Anh D mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 96, Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án

căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án đã thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Chị N và anh D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã N. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D biết chị N yêu cầu ly hôn nhưng không phản đối bằng văn bản và giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh D đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N. Mặt khác, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc chị N và anh D chấm dứt cuộc sống chung làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ chấp nhận.

[5] Chị N và anh D có một người con chung là Lê Phú T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2021. Hiện nay con chung dưới 36 tháng tuổi và đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[6] Chị N và anh D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 96; Điều 97; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Trinh N đối với anh Lê Văn D.

2. Giao người con chung Lê Phú T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2021 đang ở với chị Huỳnh Thị Trinh N cho chị Huỳnh Thị Trinh N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Văn D không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Trinh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005426 ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Chị Huỳnh Thị Trinh N đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện KSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh Bình Định;
- Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hạnh (Giấy CNKH số 54 ngày 17/7/2019);
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Duy Minh**